

KẾ HOẠCH
Thực hiện thu-chi các khoản ngoài ngân sách
Năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021; Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021; Công văn số 191/BHXXH ngày 25/8/2022; Công văn số 851/PGDĐT ngày 25/8/2022; Công văn số 958/PGDĐT ngày 22/9/2022; Công văn số 972/PGDĐT ngày 26/9/2022;

Căn cứ kết quả bàn bạc giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm nhà trường với Ban đại diện CMHS nhà trường năm học 2021-2022 ngày 08/10/2022, kết quả cuộc họp tại các lớp học với toàn thể PHHS nhà trường qua hệ thống biên bản họp lớp ngày 09/10/2022;

Căn cứ kết quả Hội nghị công khai thống nhất giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, các đoàn thể và nhà trường với Ban đại diện CMHS nhà trường năm học 2022-2023 ngày 10/10/2022;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, của cha mẹ học sinh năm học 2022-2023;

Trường THCS Trung Vương xây dựng Kế hoạch thực hiện thu-chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2022-2023 của nhà trường như sau:

A/ MỤC ĐÍCH

Nhà trường bao quát được những nội dung cần thu, chi có liên quan đến học sinh và cha mẹ học sinh, giúp nhà trường thực hiện đúng các quy định và sự chỉ đạo của các cấp.

Minh bạch, công khai rõ ràng những khoản thu, chi có liên quan đến người học, tránh hiểu lầm không đáng có giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

B/ NỘI DUNG

I/ CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH

1. Thu học phí:

- Thực hiện như năm học 2021-2022. Theo đó trường THCS Trung Vương, là trường được miễn học phí cho người học như tất cả các trường học trên địa bàn tỉnh.
- Việc hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thực hiện theo qui định tại công văn

số 3153/SGDĐT-KHTC ngày 13/12/2016 của sở GD&ĐT Quảng Ninh.

2. Bảo hiểm y tế học sinh (BHYT) năm 2023:

Thực hiện Công văn số Công văn số 191/BHXH ngày 25/8/2022; Công văn số 851/PGDDĐT ngày 25/8/2022 về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022-2023. Theo đó năm 2023 số tiền tham gia BHYT cụ thể như sau:

- Với học sinh tự đóng 70% thì mức đóng là 563.220 đồng/học sinh/12 tháng.

- Với học sinh thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thì mức đóng 20% là 160.920đồng/học sinh/12 tháng.

Học sinh có thể đóng 6 tháng hoặc 12 tháng 1 lần tùy điều kiện gia đình người học. Hoàn thành trước ngày **10/12/2022**.

II/ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN VỚI PHHS

1. Trông giữ xe đạp: (Có sự thỏa thuận bằng biên bản)

Số học sinh của trường đăng ký tham gia đi xe đạp đến trường là 272 em. Trong đó có 22 học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề nghị miễn phí (2 học sinh mồ côi; 10 học sinh có bố/mẹ bị tai nạn lao động; 10 học sinh thuộc chính sách khác: gia đình quá khó khăn, bố/mẹ mắc bệnh nghề nghiệp, nhiễm chất độc hóa học).

Dự kiến chi:

STT	NỘI DUNG CHI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI	SỐ THÁNG	THÀNH TIỀN
1	Chi tiền thuê người trông giữ xe đạp cho học sinh (69,6%)	Người	2	1.800.000	9	32.400.000
2	Chi làm vé xe (3,8%)	Cái	600 cái	3.000		1.800.000
3	Chi mua bơm xe (1,3%)	Cái	2	300.000		600.000
4	Thủ quỹ (3,9%)	Người	1	200.000	9	1.800.000
5	Kế toán (3,9%)	Người	1	200.000	9	1.800.000
6	Lãnh đạo QL (6,7%)	Người	1	350.000	9	3.150.000
TỔNG CHI						45.000.000

Dự kiến thu:

Căn cứ vào số học sinh của trường đăng ký đi xe đạp đến trường 160 em.

45.000.000đ : 250HS = 180.000đ/HS/9 tháng (**20.000đ/tháng/HS**)

- Hình thức thu: thu định kỳ theo tháng, nếu học sinh tự nguyện có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

2/ Nước uống tinh khiết phục vụ học sinh: (Có sự thỏa thuận bằng biên bản)

Căn cứ vào số lượng nước uống học sinh tiêu thụ năm học 2021-2022, số lượng học sinh nhà trường năm học 2022-2023, nhà trường dự kiến lượng nước uống cần thiết cho học sinh như sau:

a. Nhu cầu về nước uống trong 4 tháng của mùa hè (tháng 9,10,4,5):

- Nhu cầu nước uống 1 ngày của học sinh toàn trường:

$$0,4 \text{ lít/HS} \times 690\text{HS} = 276 \text{ lít/ngày} = 14 \text{ bình}$$

- Nhu cầu nước uống mùa hè của học sinh toàn trường:

$$14 \text{ bình/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 4 \text{ tháng} = 1.456 \text{ bình}$$

b. Nhu cầu nước uống trong 5 tháng mùa đông (tháng 11,12,1,2,3):

- Nhu cầu nước uống 1 ngày của học sinh toàn trường:

$$0,3 \text{ lít/HS} \times 690\text{HS} = 207 \text{ lít/ngày} = 11 \text{ bình}$$

- Nhu cầu nước uống mùa đông của học sinh toàn trường:

$$11 \text{ bình/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 1.444 \text{ bình}$$

c. Tổng chi phí nước uống học sinh trong 9 tháng năm học 2020-2021:

- Số lượng nước uống học sinh trong cả năm học:

$$1.456 \text{ bình (mùa hè)} + 1.144 \text{ bình (mùa đông)} = 2.600 \text{ bình}$$

- Thành tiền: $2.600 \text{ bình} \times 20.000\text{đ} = \mathbf{52.000.000\text{đ}}$.

d. Mua đồ dùng đi kèm:

- Giá để nước: $23 \text{ cái} \times 105.000\text{đ} = 2.415.000\text{đ}$

- Ca, cốc uống nước: $450 \text{ cái} \times 10.000\text{đ} = 4.500.000\text{đ}$

e. Tổng mức chi: 58.615.000đ/năm học

*** Mức thu:**

- Căn cứ vào số lượng học sinh của trường là 690 học sinh. Trong đó có 22 học sinh có hoàn cảnh khó khăn đề nghị miễn phí (2 học sinh mồ côi; 10 học sinh có bố/mẹ bị tai nạn lao động; 10 học sinh thuộc chính sách khác: gia đình quá khó khăn, bố/mẹ mắc bệnh nghề nghiệp, nhiễm chất độc hóa học).

- Dự toán số tiền mỗi học sinh phải đóng là:

$$\mathbf{58.615.000\text{đ} : 668 \text{ học sinh} = 88.000\text{đ/hs/năm học}} \text{ (đã làm tròn)}$$

$$\mathbf{\text{Trung bình mỗi học sinh phải nộp là: } 88.000\text{đ} : 9\text{tháng} = 9.800\text{đ/HS/tháng}}$$

- Hình thức thu: thu định kỳ theo tháng, nếu học sinh tự nguyện có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

3/ Học Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài: (Có sự thỏa thuận bằng biên bản và phụ lục thu-chi đính kèm)

Trường THCS Trung Vương có 117 em học sinh lớp 6 đã đăng ký học.

Dự kiến tổng chi/tháng như sau:

Stt	Nội dung	Số giờ	%	Thành tiền
1.1	Chi trả cơ sở liên kết		85%	11.934.000
1.2	Chi quản lý			
	Ban giám hiệu	8	4.5	632.000
	Chi cho giáo viên chủ nhiệm lớp	2	4.0	562.000
	Chi cho kế toán	4	0.8	112.000
	Chi cho thủ quỹ	4	0.8	112.000
	Chi cho y tế	9	0.8	112.000
1.3	Chi trả tiền điện, vệ sinh			
	Chi trả tiền điện		0.5	70.000
	Chi trả tiền vệ sinh lớp học		0.9	126.000
1.4	Khấu hao tài sản phòng học		0.7	98.000
1.5	Chi HD chuyên môn		2.0	282.000
Tổng chi			100%	14.040.000

Cách tính cụ thể:

- Chi trả 85% tổng nguồn thu cho Công ty TNHH ngoại ngữ Shelton như sau:
 - + Trả lương, chi phí ở, đi lại cho giáo viên nước ngoài.
 - + Trả lương cho giáo viên trợ giảng.
 - + Chi trả công tác quản lý, tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng và giám sát giáo viên.
 - + Tổ chức, quản lý, bồi dưỡng giáo viên nâng cao chất lượng dạy và học.
 - + Chi phí tài liệu giảng dạy cho giáo viên, giáo cụ hỗ trợ cho mỗi giáo viên để giảng dạy, tài liệu và văn phòng phẩm phục vụ giảng dạy.
 - + Chi phí các hoạt động của giáo viên.
 - + Chi phí cho các kỳ kiểm tra chất lượng học sinh học kỳ I và II trong năm học (in đề thi, vận chuyển đề thi, lương chấm thi...).
 - + Chi phí phần thưởng cho học sinh cuối năm.
 - + Chi phí tổ chức báo cáo tổng kết cấp Sở, Phòng hàng năm.
 - + Chi phí truyền thông, quảng cáo, in ấn,...
 - + Chi phí nghĩa vụ thuế với nhà nước.
 - + Các chi phí phát sinh liên quan.
- 15% tổng kinh phí thu được được sử dụng tại nhà trường như sau:

*** Chi hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm (4 người):**

- Lập danh sách, cùng giám sát và quản lý học sinh, đôn đốc việc thu nộp học phí: 5h/tháng/người, bao gồm:

+ Bàn giao, ổn định HS đầu giờ: 8 phút/tiết x 8 tiết/tháng = 64 phút/tháng = 1.h/tháng

+ Viết biên lai, thu nộp tiền, lập danh sách tổng hợp từ 01-04 hàng tháng: 1.h/ngày x 04 ngày/tháng: 4 h/tháng)

Số tiền được tính như sau: **14.040.000đ x 4,0% = 562.000đ/tháng.**

*** Hỗ trợ công tác quản lý:**

- **Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng:** Chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, giám sát, dự giờ, tư vấn, rút kinh nghiệm với Công ty TNHH Shelton Quảng Ninh. Mức chi trả: 1 giờ/ngày x 10 ngày/tháng = 10 giờ/tháng

Số tiền được tính như sau: **14.040.000đ x 4,5% = 632.000đ/tháng.**

- Thủ quỹ, kế toán:

Thủ quỹ: Thu tiền học, vào hồ sơ, sổ sách, chứng từ thu - chi tiền học, thanh toán cho Công ty bằng hình thức chuyển khoản, mức chi trả như sau:

Thời gian làm việc 02giờ/ngày x 01 ngày = 2giờ/tháng x 5ngày = 10giờ/tháng

Số tiền được tính như sau: **14.040.000đx0,8%=112.000đ/tháng** (làm tròn).

Kế toán: Lập hồ sơ, sổ sách, chứng từ thu – chi nguồn quỹ học tiếng Anh Phonics, mức chi trả như sau:

Thời gian làm việc 02giờ/ngày x 01 ngày = 2giờ/tháng x 5ngày = 10giờ/tháng

Số tiền được tính như sau: **14.040.000đx0,8%=112.000đ/tháng** (làm tròn).

- **Nhân viên y tế:** Quản lý, theo dõi công tác y tế cho học sinh, giáo viên.

Thời gian làm việc 0,75giờ/ngày x 12 ngày/tháng = 9giờ/tháng

Số tiền được tính như sau: **14.040.000đx0,8%=112.000đ/tháng** (làm tròn).

*** Chi tiền điện:**

Tổng tiền điện phục vụ học Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài trong 1tháng là: **14.040.000đ x 0,5% = 70.000đ/tháng** (làm tròn).

(đã làm tròn, bao gồm VAT) .

*** Chi hỗ trợ công tác vệ sinh phòng học:**

Mức lương 01 vệ sinh ngân sách là 3.000đ/tháng.

Lương tính làm thêm giờ: 3.000.000đ : 22 ngày x 86% = 117.3000đ/ngày.

1 ngày làm hết 45phút, 1 tháng hết: 45phút/ngày x 4ngày = 0,375 công

Số tiền chi trả bồi dưỡng nhân viên vệ sinh:

Làm vệ sinh 4 lớp/tháng: **14.040.000đ x 0,9% = 126.000đ/tháng** (làm tròn).

*** Chi hỗ trợ hoạt động giáo dục chung phục vụ dạy học Tiếng Anh/năm:**

Mua VPP, đồ dùng, dụng cụ trang trí lớp học, phục vụ làm đồ dùng phục vụ giảng dạy, học tập, hoạt động ngoại khóa, trò chơi trong 01 năm học dự kiến:

Mức chi: 14.040.000đ x 2% = 281.000đ/tháng (làm tròn).

*** Chi dự phòng khấu hao, bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất, chi phí phát sinh/năm: 14.040.000đ x 0,7% = 98.000đ/tháng (làm tròn).**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. BGH nhà trường:

- Xin ý kiến cấp ủy chi bộ, Hội đồng nhất trong Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và các đoàn thể nhà trường.

- Tổ chức Hội nghị Ban đại diện CMHS nhà trường để phổ biến các văn bản hướng dẫn của cấp trên, bàn bạc, thống nhất các nội dung thu-chi theo hướng dẫn.

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, trình Phòng GD&ĐT phê duyệt.

- Triển khai kế hoạch chi tiết tới toàn thể PHHS và ban đại diện CMHS năm học 2022-2023 qua phiên họp tại các lớp để cùng bàn bạc, thống nhất.

- Trình bản kế hoạch với Phòng GD&ĐT, UBND phường Trung Vương sau khi có kết quả thỏa thuận, thống nhất.

- Niêm yết công khai kế hoạch, sau thời gian 7 ngày sẽ thực hiện thu nộp.

2. Ban đại diện CMHS:

- Thực hiện tuyên truyền, thông tin, giải thích kế hoạch đến PHHS khi cần thiết. Tiếp nhận các thông tin phản hồi và báo cáo về nhà trường.

- Kết hợp với GVCN lớp thay mặt nhà trường triển khai Kế hoạch và thực hiện việc bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất với toàn thể PHHS nhà trường. Đôn đốc học sinh và PHHS thực hiện thu nộp đúng quy định.

- Không thu các khoản khác ngoài kế hoạch trên.

3. Kế toán, thủ quỹ:

- Kế toán xây dựng dự toán thu-chi.

- Mở sổ sách theo dõi các khoản thu-chi.

- Thanh, quyết toán theo chế độ kế toán tài chính hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện thu, chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2022-2023 của trường THCS Trung Vương./

Nơi nhận:

- PGD&ĐT (B/c);

- UBND phường (B/c)

- Lưu: VT.

**TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Lê Thị Thúy

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO UÔNG BÍ

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN THU CHI CÁC KHOẢN
NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC: 2022-2023

Đơn vị: Trường THCS Trung Vương
Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh